

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 75

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600252847 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 6 tháng 4 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Tầng 18, Tòa nhà SOFIC, số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 58 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Stephen Patrick Gore	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đỗ Xuân Diên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lee Yong Bum	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Adrian Teng	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Trọng Sánh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
	Thường trực	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61005161/21092963-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 74, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Nguyễn Quốc Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		54.689.802.045	49.668.341.572
110	I. Tiền và khoản tương đương tiền	5	1.339.771.223	607.809.500
111	1. Tiền		1.324.771.223	607.809.500
112	2. Khoản tương đương tiền		15.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		211.333.537	2.622.741.246
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	176.645.721
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	211.333.537	2.446.095.525
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		16.918.338.767	17.417.644.352
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	4.991.092.061	4.305.533.780
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	6.427.155.579	8.770.677.881
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	1.032.707.424	1.073.907.030
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	4.513.666.767	3.313.062.834
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 9	(48.426.676)	(48.044.714)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		2.143.612	2.507.541
140	IV. Hàng tồn kho	12	34.770.541.873	27.933.055.068
141	1. Hàng tồn kho		34.833.071.637	28.007.363.892
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(62.529.764)	(74.308.824)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.449.816.645	1.087.091.406
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	19	192.479.107	155.137.052
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	23	1.223.468.928	909.271.486
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	23	33.868.610	22.682.868
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		52.104.786.305	25.167.505.956
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		930.506.818	125.562.781
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	11	820.110.834	14.850.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	110.645.984	110.962.781
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(250.000)	(250.000)
220	II. Tài sản cố định		24.120.985.012	11.893.050.412
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	12.144.288.440	7.566.186.006
222	Nguyên giá		17.540.655.733	11.775.509.996
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.396.367.293)	(4.209.323.990)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	11.976.696.572	4.326.864.406
228	Nguyên giá		12.349.767.422	4.553.296.552
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(373.070.850)	(226.432.146)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	8.719.032.574	2.235.917.925
231	1. Nguyên giá		9.180.885.703	2.271.584.691
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(461.853.129)	(35.666.766)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		11.127.374.197	6.450.764.966
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	11.127.374.197	6.450.764.966
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		2.704.821.980	68.919.987
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	2.642.321.611	6.419.618
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	62.500.369	62.500.369
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.502.065.724	4.393.289.885
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	19	948.363.863	473.216.110
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	36.3	81.571.084	1.455.411
269	3. Lợi thế thương mại	20	3.472.130.777	3.918.618.364
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		106.794.588.350	74.835.847.528

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		67.496.518.842	43.673.929.801
310	I. Nợ ngắn hạn		53.520.207.250	40.781.960.266
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	21	18.575.069.704	13.032.994.822
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22	2.102.640.262	2.204.548.251
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23	1.192.191.877	1.261.095.615
314	4. Phải trả người lao động		27.868.804	4.203.776
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	24	1.657.566.170	1.705.060.816
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	25	335.936.323	2.584.812
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	26	306.513.719	196.062.676
320	8. Vay ngắn hạn	27	29.152.907.637	22.270.191.920
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	28	153.342.190	93.670.295
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.170.564	11.547.283
330	II. Nợ dài hạn		13.976.311.592	2.891.969.535
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	25	44.680.567	757.983
337	2. Phải trả dài hạn khác	26	293.314.093	37.969.555
338	3. Vay dài hạn	27	11.233.876.375	2.618.559.721
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	36.3	2.341.846.050	205.297.967
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	28	62.594.507	29.384.309
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		39.298.069.508	31.161.917.727
410	I. Vốn chủ sở hữu		39.298.069.508	31.161.917.727
411	1. Vốn cổ phần	29.1	16.950.000.000	16.580.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.950.000.000	16.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	29.1	3.620.919.783	29.878.837
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	29.1	22.174.800	15.799.800
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	29.1	(3.489.412)	5.703.503
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	29.1	13.930.910.707	11.152.685.358
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		9.110.718.660	4.652.349.432
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		4.820.192.047	6.500.335.926
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	29.6	4.777.553.630	3.377.850.229
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		106.794.588.350	74.835.847.528

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.1	56.538.394.673	59.123.206.417
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	30.1	(30.688.226)	(40.696.560)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.1	56.507.706.447	59.082.509.857
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	31	(46.638.801.821)	(47.350.411.016)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.868.904.626	11.732.098.841
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30.2	841.138.760	682.514.130
22	7. Chi phí tài chính	33	(2.255.966.537)	(1.578.448.214)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	33	(1.675.332.927)	(693.736.260)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	18.1	(292.004.043)	(43.566)
25	9. Chi phí bán hàng	32	(2.619.400.436)	(1.938.979.682)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(2.156.319.471)	(1.934.249.381)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.386.352.899	6.962.892.128
31	12. Thu nhập khác	34	2.296.353.878	160.036.043
32	13. Chi phí khác	34	(111.880.808)	(176.209.896)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	34	2.184.473.070	(16.173.853)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.570.825.969	6.946.718.275
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.2	(265.537.685)	(772.682.330)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	36.3	63.072.570	97.381.180
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.368.360.854	6.271.417.125
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		4.820.192.047	6.073.542.340
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		548.168.807	197.874.785
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	29.5	2.858	3.663
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	29.5	2.858	3.663

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.570.825.969	6.946.718.275
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13, 14, 15, 20	2.209.163.237	1.572.781.728
03	Trích lập các khoản dự phòng		81.484.995	62.170.540
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(40.843.578)	153.640.969
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.932.031.316)	41.617.378
06	Chi phí lãi vay	33	1.675.332.927	693.736.260
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.563.932.234	9.470.665.150
09	Tăng các khoản phải thu		(1.318.919.471)	(7.214.161.487)
10	Tăng hàng tồn kho		(3.068.532.273)	(364.715.775)
11	Tăng các khoản phải trả		7.094.262.124	5.345.672.398
12	Tăng chi phí trả trước		(272.713.770)	(65.721.955)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		176.645.721	123.676.637
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.227.583.730)	(735.780.821)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	36.2	(418.454.039)	(674.110.673)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.257.690)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.519.379.106	5.885.523.474
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(10.248.470.175)	(5.548.696.230)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		157.521.733	90.425.727
23	Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng có kỳ hạn và cho các đơn vị khác vay		(1.825.291.699)	(3.251.439.375)
24	Tiền thu hồi khoản tiền gửi tiết kiệm ngân hàng và thu hồi khoản cho vay		1.884.373.293	55.466.845
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.085.604.191)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay nhận được		175.116.069	33.169.015
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(21.942.354.970)	(8.621.074.018)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp của cổ đông không kiểm soát		4.836.040.946	2.646.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	27	84.140.172.419	49.585.364.955
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	27	(71.764.324.664)	(45.349.470.170)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	29.3	(2.032.928.908)	(3.971.319.684)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(22.754.102)	(17.272.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		15.156.205.691	2.893.302.601
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		733.229.827	157.752.057
60	Tiền đầu năm		607.809.500	450.085.202
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.268.104)	(27.759)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.339.771.223	607.809.500


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2020